

Bản án số: 266/2019/HS-PT
Ngày 04 - 9 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Triết

Các thẩm phán:

1. Ông Trần Anh Tuấn

2. Ông Hoàng Kim Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 243/2019/TLPT-HS ngày 23/7/2019 đối với các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T và Đinh Hoàng K, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HSST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1984 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 05/12; con ông Nguyễn Thành C, sinh năm 1958 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Lê Thị Hồng V, sinh năm 1991; bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 35/2007/HSST ngày 05/6/2007, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Cao Xuân T**, sinh năm 1991 tại tỉnh Bình Thuận; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 09/12; con ông Cao Sỹ H (không rõ năm sinh) và bà Cao Thị T, sinh năm 1963; bị cáo có vợ

là Đinh Thị Như X, sinh năm 1995; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Đinh Hoàng K**, sinh năm 1979 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 03/12; con ông Đinh Viết X, sinh năm 1957 và bà Cao Thị N, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Cao Thị T, sinh năm 1979; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trần Minh T1, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Chị Lê Thị Hồng V, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2016, khi đi làm gỗ, Đinh Hoàng K phát hiện 01 khẩu súng AK đã bị rỉ sét, tại khu vực biên giới giữa tỉnh Gia Lai và nước Campuchia. K kiểm tra khẩu súng thấy bên trong không có đạn nên để lại vị trí cũ rồi tiếp tục đi làm. Một thời gian sau, K nói cho Nguyễn Thành Đ biết việc phát hiện được khẩu súng trên thì Đ nói để Đ tìm đạn rồi cả hai cùng đi săn.

Một tuần sau, Đ xin được 07 viên đạn của một người đàn ông Campuchia ở trong rừng (không rõ tên, lai lịch), Đ cất giấu trong ba lô của mình để trong lán. Sau đó, Đ và K đến địa điểm mà K phát hiện, cất giấu khẩu súng để lấy súng đi săn. Đến nơi, K lấy khẩu súng đưa cho Đ, Đ kiểm tra súng và lấy 07 viên đạn lắp vào hộp tiếp đạn. K nói với Đ bắn thử xem súng còn hoạt động được hay không thì Đ nói súng còn sử dụng được, không cần bắn vì đạn rất hiếm, sau đó cả hai cùng đi săn nhưng không săn được gì và cũng chưa bắn viên đạn nào. Sau mỗi lần đi săn, Đ là người cất giấu súng và đạn trong lán của mình. Lúc di chuyển khu vực làm gỗ thì Đ lấy chiếc võng cũ quấn súng và đạn rồi để cùng đồ cá nhân trong chiếc xe máy cày để người khác cùng đi với Đ không phát hiện. Một thời gian sau, Đ dùng gỗ làm báng súng và lắp 02 bộ tia la-ze để việc săn bắn chính xác hơn. Khi không làm gỗ ở khu vực tỉnh Gia Lai nữa, Đ lấy khẩu súng và đạn cất giấu trong hộc để đồ nghề của xe máy cày mà Đ để tại nhà của Vũ Đức T2, sinh năm 1984, trú tại thôn C, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đầu tháng 11/2018, Đ gọi điện cho Cao Xuân T rủ T đi săn, qua điện thoại Đ nói T tìm mua đạn AK rồi cùng đi săn thì T đồng ý. Sau đó, T sử dụng điện thoại di

động màu đen nhãn hiệu Nokia, số thuê bao 09756965xx của mình để gọi cho Trần Minh T1 (là người T quen biết) để hỏi mua đạn vì trước đó T1 có dặn T “*Nếu có ai mua đạn thì giới thiệu cho T1*”. Khoảng 01 tuần sau, T1 gọi điện cho T nói đã có đạn, giá là 25.000 đồng/viên thì T đồng ý. Sáng hôm sau, T đến nhà T1 như đã hẹn, T1 đưa cho T một túi ni lông màu xanh, bên trong có một hộp giấy nhỏ, hình vuông (20 viên đạn), T đưa cho T1 500.000 đồng. Khoảng 01 tuần sau, T tiếp tục mua của T1 hai hộp giấy hình vuông (40 viên đạn), T đưa cho T1 1.000.000 đồng và đem đạn về cất giấu tại tủ quần áo của T.

Ngày 23/11/2018, Đ sử dụng điện thoại di động của mình gọi cho K hỏi mượn khẩu súng thì K đồng ý cho mượn, ngày hôm sau, Đ chở T đi đến nhà của Vũ Đức T2 để lấy khẩu súng và đạn để trong xe máy cày. Khi đi, Đ chở T bằng xe máy nhãn hiệu Dream của Đ, biển kiểm soát 29H8-0709. Khi đến nhà của Triệu, Đ vào lấy súng còn T đứng ở ngoài. Khi đi ra từ nhà của Triệu, T thấy Đ cầm một vật có hình dạng giống khẩu súng và dùng chiếc võng cũ quấn lại. T không hỏi Đ nhưng biết đó là súng vì trước đó cả hai cùng thống nhất đi lấy khẩu súng. Sau khi lấy súng và đạn, Đ chở T đến nhà của Cao Thanh H để Đ ăn tối và ngủ nhờ tại đây, còn T lấy xe của Đ về nhà T.

Ngày 25/11/2018, T đến nhà Cao Thanh H để cùng Đ đi vào khu vực Đ địa phận nước Campuchia) trên chiếc xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 29H8-0709 đem theo khẩu súng và số đạn đã chuẩn bị để săn bắn thú rừng. Đến khoảng 12 giờ 10 phút cùng ngày, khi Đ và T đến trước Đồn biên phòng của khẩu R thì bị kiểm tra, phát hiện bắt, tạm giữ của Nguyễn Thành Đ và Cao Xuân T gồm: 01 khẩu súng bằng kim loại đã cũ, không rõ số hiệu, dài 64cm, báng súng bằng gỗ tự chế dài 28cm, có thể tháo rời, đầu nòng súng có lắp 02 bộ tia la-ze, có băng đạn bằng kim loại đã cũ và 67 viên đạn bằng kim loại; 01 dao mũi nhọn một mặt lưỡi, có chiều dài 35cm; 01 xe máy nhãn hiệu Dream, biển kiểm soát 29H8-0709; 03 điện thoại di động đã qua sử dụng đều chưa kiểm tra bên trong, được niêm phong theo quy định.

Tại Bản kết luận giám định số: 212/C09B ngày 27/11/2018 của Phân Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: 01 khẩu súng đã ri sét gửi giám định là súng trường Kalashnikov (AK), cỡ nòng 7,62mm, súng sử dụng để bắn với đạn cỡ (7,62 x 39)mm, hiện tại súng còn đủ các bộ phận, hoạt động bình thường và bắn được đạn nổ; 67 viên đạn chưa bắn gửi giám định là loại đạn tiêu chuẩn cỡ (7,62 x 39)mm, loại đạn này thường sử dụng để bắn cho một số loại súng cỡ nòng 7,62mm, như súng trường: CKC, súng trường Ak gửi giám định...; 01 khẩu súng đã ri sét và 67 viên đạn chưa bắn gửi giám định là vũ khí quân dụng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HSST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T và Đinh Hoàng K phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thành Đ 06 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Cao Xuân T 06 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt Đinh Hoàng K 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/6/2019, bị cáo Cao Xuân T và Nguyễn Thành Đ có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo cho rằng hành vi phạm tội của mình thuộc khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự; ngày 20/6/2019, bị cáo Đinh Hoàng K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo quá nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đinh Hoàng K theo khoản 1, xét xử bị cáo Nguyễn Thành Đ và Cao Xuân T theo khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp lý, đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 6 năm 6 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Thành Đ, 6 năm tù đối với bị cáo Cao Xuân T và 3 năm tù đối với bị cáo Đinh Hoàng K là thỏa đáng, tương xứng với tính chất của hành vi phạm tội, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đúng và đủ các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ và Cao Xuân T tranh luận cho rằng tại Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 không quy định tàng trữ 01 khẩu súng và 67 viên đạn là số lượng lớn, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo theo khoản 2 là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử xét xử các bị cáo theo khoản 1 Điều 304 Bộ luật hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đinh Hoàng K không tranh luận gì, chỉ xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát tranh luận và giữ nguyên quan điểm truy tố.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ căn cứ để xác định

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành Đ và Cao Xuân T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 1 Mục III Phần A Thông tư liên ngành số 01/TTLN ngày 07/01/1995 của Bộ Nội vụ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao (hiện còn hiệu lực thi hành) hướng dẫn áp dụng Điều 95 Bộ luật hình sự năm 1985 (nay là Điều 304 Bộ luật hình sự 2015) quy định:

“1. Người nào chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng với số lượng sau đây thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật hình sự:

a) Súng bộ binh bắn phát một từ 1 đến 5 khẩu;

...

e) Từ 50 viên đến 300 viên đạn súng bộ binh (từ đại liên trở xuống)...”

Mặt khác, tại khoản 4 Mục III Phần A của Thông tư liên ngành nói trên quy định rõ: “*Người nào chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng đối với nhiều loại vũ khí quân dụng khác nhau mà số lượng đối với mỗi loại chưa đến mức được hướng dẫn tại điểm 1 mục này, thì phải bị truy cứu trách nhiệm theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật hình sự. Nếu số lượng đối với mỗi loại vũ khí đến mức được hướng dẫn tại điểm 1 mục này thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 95 Bộ luật hình sự*”.

Bị cáo Nguyễn Thành Đ mượn 01 khẩu súng của Đinh Hoàng K và gọi điện cho Cao Xuân T mua 60 viên đạn, cộng với 7 viên đạn mà Đ xin được trước đó là 67 viên. Như vậy, hành vi của 02 bị cáo phạm vào 02 điểm a và e khoản 1 Mục III Phần A của Thông tư liên ngành số 01/TTLN. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T theo khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Tuy nhiên, các bị cáo tàng trữ số lượng súng và đạn ở mức khởi điểm theo Thông tư liên ngành số 01/TTLN và điều luật quy định, các bị cáo lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Đ 6 năm 6 tháng tù, xử phạt bị cáo Cao Xuân T 6 năm tù là có phần nghiêm khắc nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt là tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của bị cáo Đinh Hoàng K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy bị cáo chỉ tàng trữ 01 khẩu súng quân dụng nhưng bị cáo lại cho người khác mượn, là nguyên nhân dẫn đến Nguyễn Thành Đ và Cao Xuân T cũng phạm tội này nhưng bị xét xử theo khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự (tội rất nghiêm trọng). Hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, là nguyên nhân dẫn đến sự phạm tội của người khác nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và cải tạo bị cáo, do đó kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

Về mức hình phạt, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm tù

là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ, bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm trở về chăm sóc gia đình và trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T và Đinh Hoàng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1] Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T và Đinh Hoàng K.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2019/HSST ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành Đ**: 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 304; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Cao Xuân T**: 05 (năm) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/11/2018 đến ngày 01/12/2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 304; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Hoàng K**: 02 (hai) năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 13/12/2018 đến ngày 19/12/2018.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thành Đ, Cao Xuân T và Đinh Hoàng K không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VP CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- THAHS Công an huyện E;
- Các bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Đình Triết